

Phân tích bài Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ - Mẫu số 1

Đặng Trần Côn (chưa rõ năm sinh, năm mất) người làng Nhân Mục, tên nôm là làng Mộc, huyện Thanh Trì, nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Ông sống vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVIII. về sáng tác, ngoài tác phẩm chính là Chinh phụ ngâm, ông còn làm thơ chữ Hán và viết một số bài phú chữ Hán. Theo các tài liệu lịch sử, đầu đời Lê Hiền Tông, có nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra quanh kinh thành Thăng Long. Triều đình cất quân đánh dẹp, nhiều trai tráng phải từ giã người thân ra trận. Đặng Trần Côn cảm động trước nỗi khổ đau mất mát của con người, nhất là những người vợ lính trong chiến tranh, đã viết Chinh phụ ngâm. Khúc ngâm này gồm 476 câu thơ làm theo thể trường đoản cú (câu thơ dài ngắn không đều nhau).

Tác phẩm đã được dịch ra chữ Nôm, và chưa biết ai là tác giả bản dịch hiện hành. Có người cho rằng đó là bản dịch của Đoàn Thị Điểm. Lại có người cho rằng Phan Huy Ích chính là dịch giả của Chinh phụ ngâm. Đoạn trích dưới đây thuộc bản dịch hiện hành, viết về tình cảm và tâm trạng người chinh phụ phải sống cô đơn, mòn mỏi trong thời gian dài người chồng đi đánh trận, không có tin tức, không rõ ngày trở về. Kể từ lúc tiễn chồng vào “cõi xa mưa gió” người chinh phụ trở về sống trong tình cảm đơn chiếc, lẻ loi. Ngày cũng như đêm, sau khi công việc đã yên mọi bề, người chinh phụ

Đạo hiên vắng thăm gieo từng bước,
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.
Ngoài rèm thước chẳng mách tin,
Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?

Bốn câu thơ song thất lục bát với vần điệu chặt chẽ, thảng thảm như những nốt nhạc buồn càng làm đậm thêm tình cảnh đơn chiếc, lẻ loi kia. Người trước có lúc sóng đôi vợ chồng thì nay “thăm gieo từng bước” dưới mái hiên vắng vẻ. Ngày nào bàn chuyện làm ăn cùng chồng bên cửa sổ thì nay buông xuống kéo lên nhiều lần mong ngóng nhưng chẳng thấy chim thước báo tin lành. Ngày thì như thế, còn đêm thì không ngủ được, một mình đối diện với ngọn đèn khuya. Tình cảnh của người chinh phụ quá lẻ loi, đơn chiếc. Ngày thì khắc khoải chờ mong. Đêm dài cảm lạnh, biết riêng lòng mình, Hoa đèn kia dấu sao còn lửa. Riêng lòng này với bóng lạnh lùng.

Khắc giờ đằng đẵng như niên,
Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.

Hai câu lục bát, một câu miêu tả thời gian, một câu miêu tả nỗi buồn. Cả hai câu đều mang nghệ thuật so sánh. Trong tình cảnh lẻ loi ấy thì một giờ là đợi dài tựa một năm, như người xưa thường ví “Nhật nhật bất kiến như tam thu hề”, ngày sau này Xuân Quỳnh tâm sự “Một ngày không gặp nhau / Biển bạc đầu thương nhớ”. Thời gian chờ đợi càng dài thì nỗi sầu càng lớn "tựa miền biển xa". Tình cảnh đã bước qua tâm trạng. Đây là tâm trạng nhớ thương của người chinh phụ gửi tới chồng ở miền xa. Nỗi nhớ thương thật tha thiết.

Lòng này gửi gió đông có tiện?
 Nghìn vàng xin gửi đến non Yên
 Non Yên dù chẳng tới miền,
 Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.

Bốn câu thơ trên là lời tâm sự của vợ gửi đến chồng. Nhưng chim thước không có để nhờ mang thư đi. Vậy thì gửi lời nhớ thương theo gió. Nhưng gửi theo gió đông thì gió có mang lời thủ thỉ đến được tai chàng? Biết chàng đang ở nơi nào ngoài mặt trận? Thôi thì lòng thương quý chàng xin được gửi đến nơi xa nhất mà chàng tới như Đâu Hiên đời Hậu Hán đánh đuổi giặc Bắc Thiên Vu đến núi Yên Nhiên, bởi vì:

“Nay Hán xuống Bạch Thành đóng lại,
 Mai Hồ vào Thanh Hải dòm qua.”

Đời chiến binh là như thế, là “ôm yên, gói trống đã chôn, / Năm vùng cát trắng ngủ còn rêu xanh”, chưa kể đời chiến binh mấy người đi trở lại. Tình thương, nỗi nhớ của nàng là như thế. Nhưng:

Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,
 Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.
 Cảnh buồn người thiết tha lòng,
 Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.

Dù là “Trời” thì Trời cũng khó mà hiểu thấu tình thương và nỗi nhớ da diết của người chinh phụ. Các từ láy “thăm thẳm, đau đáu” càng làm tăng thêm sự không hiểu biết, không thấy được của Trời, và chỉ có người trong cuộc (người chinh phụ) mới cảm nhận rõ lòng mình. Cảnh thì buồn, đến cả cây cỏ và tiếng côn trùng cũng nào ruột. Còn tình thì da diết thiết tha. Thể thơ song thất lục bát vốn thích hợp với tự sự, trong đoạn trích, bản dịch lại dùng phép so sánh, từ lặp và từ láy một cách tự nhiên càng làm tăng thêm giá trị nội dung.

Đọc đoạn trích người đọc cứ ngỡ ngỡ rằng chỉ để miêu tả tình cảnh lẻ loi, thể hiện tâm trạng khát khao tình yêu của người chinh phụ. Nhưng nếu nghĩ sâu xa

hơn thì đoạn trích bày tỏ sự oán ghét chiến tranh. Chiến tranh đã chia rẽ tình yêu, ngăn cách hạnh phúc lứa đôi của nhiều thế hệ, nhất là thế hệ trẻ, có lẽ vì thế mà tác phẩm đã được độc giả cùng thời hết sức tán thưởng. Nhiều người còn dịch Chinh phụ ngâm sang thơ Nôm (tức thơ tiếng Việt) để khúc ngâm được truyền bá rộng rãi hơn. Bản diễn Nôm hiện hành là bản dịch thành công nhất.

Phân tích bài thơ Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ - Mẫu số 2

Nếu như Cung oán ngâm khúc của Nguyễn Gia Thiều khẳng định những giá trị nhân văn và phản ánh số phận người phụ nữ, vận dụng nhuần nhuyễn thể loại ngâm khúc và thể thơ song thất lục bát thì diễn Nôm Chinh phụ ngâm hướng nhiều hơn tới cuộc sống đời thường. Đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ cho thấy niềm thương và nỗi nhớ đau đáu nào nguôi của người vợ nhớ chồng ra trận và nghệ thuật diễn Nôm đặc biệt xuất sắc của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm.

Mở đầu bài thơ là nhận thức của nhân vật về hoàn cảnh của mình chiều ứng với thời gian hóa thành vô vị, mất hết sinh khí. Nhân vật chủ thể trữ tình – người chinh phụ xuất hiện:

“Đạo hiên vắng thăm gieo từng bước,
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen”.

“tâm rèm” và “bóng đèn” là hai hình ảnh tưởng như vô tri nhưng lại như khơi nguồn cảm xúc. Trong một không gian chật hẹp, tù đọng, câu thơ chuyển tiếp Trong rèm dường đã có đèn biết chăng càng tô thêm vẻ vắng lặng, đơn côi, khi hoa đèn kia với bóng người khá thương... Rõ ràng cuộc đời người chinh phụ hầu như đã mất hết sức sống, con người đã bị “vật hoá” tựa như tàn đèn cháy đỏ kết lại đầu sợi bấc, vừa đối xứng đồng dạng và là hiện thân của chính kiếp hoa đèn tàn lụi đến cảnh sống cũng hiu vắng lẻ loi “gà eo óc gáy sương”, “hoè phát phơ rủ bóng”...

“Khắc chờ đằng đẵng như niên,
Môi sầu dằng dặc tựa miền biển xa”.

Dòng thời gian xoay vần mà dài như cả năm trường, môi sầu trào dâng như biển lớn mênh mang, ngân xa như tiếng thở dài của người thiếu phụ dăm dăm chờ chồng. Rút cuộc, hình bóng người chinh phụ có xuất hiện trở lại cũng không thoát khỏi nỗi nhớ nỗi sầu đã nhuốm màu nước mắt để “Hương gượng đốt”, “Gương gượng soi”, “Sắt cầm gượng gảy”.

Mọi cố gắng đều không thoát được nỗi cô đơn của thực tại. Thời gian có trôi bao nhiêu thì khoảng cách địa lý càng xa bấy nhiêu đến tận “non Yên”, “đường lên bằng trời”, “xa vời khôn thấu”.... Sắc thái nỗi nhớ tăng tiến, rộng mở từ những suy

tưởng đời theo người chồng nơi phương xa đến sự dồn nén cảm xúc thành nỗi xót xa “thăm thẳm đường lên bằng trời” và “đau đầu nào xong”. Nó gợi nhớ ta về nàng Kiều: “Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu – Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ. Lòng người đang nặng trĩu, cảnh vật thì nhuốm sầu nhưng vẫn như thôi thúc cho người ta tỉnh táo:

“Cảnh buồn người thiết tha lòng,
Cảnh cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.
Sương như búa, bổ mòn gốc liễu,
Tuyết dường cưa, xẻ héo cành ngô”.

Hình ảnh so sánh “sương như búa”, “tuyết dường cưa” là sự cực tả và bột phát thành những ám ảnh dị thường. Trong bản chất, chính tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ đã tạo nên những xung đột tình cảm khác biệt nhau và thổi vào cả không gian để nó như nhuốm màu đau đớn, để trong cảnh có tình, trong tình có cảnh, để niềm tin hòa với thất vọng, để hy vọng mong manh như không thể nguôi khuây.

Bước vào đoạn cuối, người chinh phụ vươn tới không gian thoáng rộng hơn mà cảnh vật như chết lặng, như chìm sâu trong cái giá băng của lòng người. Tất cả chỉ đơn thuần là cảnh vật và vì thế hình ảnh người chinh phụ như khuất lấp đi:

“Hoa dãi nguyệt, nguyệt in một tấm,
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.
Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng,
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu!”

Đến đây, tâm trạng được đẩy lên tận cùng. Thiên nhiên đang căng tràn sao con người ủ rũ, nhựa sống đang trỗi dậy sao hồn người héo úa. Đường như nó cũng là hồi chuông, là sự đánh thức cho nhận thức trỗi dậy để giành, giữ và bảo vệ cho hạnh phúc giữa cõi ta đang sống.

Trên phương diện nghệ thuật, thể thơ song thất lục bát tạo nên nhịp thơ buồn thương man mác, nối dài không dứt. Quan sát kỹ có thể thấy từng bốn câu thơ đi liền nhau tạo thành một tiết đoạn, trong đó hai câu thất ngôn đóng vai trò khơi dẫn ý tứ như những ngọn sóng cảm xúc đang trào dâng hô ứng, đối xứng, tạo ấn tượng và sự nhấn mạnh. Trạng thái tình cảm của người chinh phụ một mặt có ý nghĩa tố cáo những cuộc chiến tranh phi nghĩa đã đẩy bao nhiêu người trai ra trận và hệ quả là những nỗi đau kéo dài, là chia ly đôi ngả. Chúng ta sống không chỉ để tồn tại như một hạt cát vô danh mà còn để sẻ chia và hạnh phúc và ghi dấu trong trái tim người khác. Ở đây, một lần nữa tính nhân văn của tác phẩm được đề cao và có lẽ nó sẽ tạo tiền đề cho những khai thác về giá trị nhân đạo để mở rộng đề tài về tính nhân văn trong văn học.

“Vì ai gây dựng cho nên nỗi này” là tiếng thơ mang đầy nỗi đau, tiếng khóc thương ai oán nặng nề đầy uất ức. Nhưng không dừng ở đó, tác phẩm là sự tiếp nối xuất sắc cảm hứng nhân đạo của nền văn học dân tộc và khẳng định vai trò của con người trong hành trình sống và đi đến hạnh phúc.

Phân tích bài Chinh phụ ngâm - Mẫu số 3

Văn học thế kỉ XVIII là văn học của những tiếng nói cảm thương, cảm thông cho số phận bất hạnh của người phụ nữ. Ngoài kiệt tác Truyện Kiều của Nguyễn Du ta cũng không thể không nhắc đến tác phẩm Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn. Tác phẩm là tiếng lòng thiết tha, thổn thức của người phụ nữ khi có chồng phải ra chiến trận. Tâm trạng của nhân vật được thể hiện rõ nhất qua đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ.

Theo các cứ liệu lịch sử, vào đầu đời vua Lê Hiển Tông, có nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra quanh kinh thành Thăng Long. Triều đình phải cất quân ra trận, nhiều trai tráng phải từ giã gia đình, người thân ra trận. Có bao nhiêu những chàng trai lên đường thì có bấy nhiêu người phụ nữ, người vợ ở nhà trong nhớ thương, buồn tủi. Tác giả Đặng Trần Côn đồng cảm với nỗi niềm của người phụ nữ để nói lên nỗi lòng của họ. Trích đoạn được trích từ câu 193 đến câu 216 diễn tả tâm trạng của người chinh phụ khi phải xa chồng, thế giới tâm trạng đó được thể hiện qua rất nhiều cung bậc cảm xúc, tình cảm khác nhau.

Trước hết tâm trạng bồn chồn lo lắng, nhớ thương của nhân vật được thể hiện trong các hành động lặp đi lặp lại nhiều lần: Dao hiên vắng thềm gieo từng bước. Bước chân chậm chạp, nặng trĩu tâm trạng, trong đó chất chứa biết bao nỗi niềm chán ngán của người chinh phụ. Bước chân này khác với bước chân của nàng Kiều khi tìm đến tình yêu: Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình. Người chinh phụ hết đứng lên lại ngồi xuống, tâm trạng nàng thấp thỏm, bất an bởi lo lắng cho sinh mệnh của chồng ở nơi chiến trường đầy nguy hiểm. Tâm trạng bất an ấy còn thể hiện qua hành động: Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phe, nàng hết buông rèm xuống nàng lại cuốn rèm lên, dường như đó là hành động vô thức, nàng làm không chủ động làm mà trong vô thức thực hiện hành động để voi bớt nỗi âu lo. Hết ngấm ra ngoài bức rèm để mong chờ tin tức tốt lành lại thần thờ quay vào đối diện với ngọn đèn đơn độc.

Trong nỗi bồn chồn ấy còn là cả nỗi nhớ, thao thức, mong ngóng chồng quay trở về. Trong văn học, ngọn đèn thường được sử dụng để nói về nỗi nhớ mong, thao thức, ta đã biết đến qua bài ca dao: Đèn thương nhớ ai/ Mà đèn không tắt. Hay trong Chuyện người con gái Nam Xương, người vợ nhớ chồng nên đêm đêm chỉ bóng mình trên tường nói với con đó là bố. Hành động đó cũng thể hiện nỗi nhớ

thương. Đây là hình ảnh xuất hiện nhiều trong văn học, và trong tác phẩm người chinh phụ cũng lấy ngọn đèn để thể hiện nỗi nhớ thương. Trong căn phòng trống vắng, quạnh hiu, chỉ có cây đèn là người bạn để chia sẻ mỗi nỗi lòng với người chinh phụ. Vì vô tri vô giác nên chinh phụ rất đau khổ nhận ra rằng “Đèn có biết đường bằng chẳng biết”.

Nàng càng thấm thía hơn nỗi cô đơn cùng cực của chính mình. Để nhân mạnh hơn nữa vào tình cảnh tội nghiệp của mình, hình ảnh Hoa đèn kia với bóng người khá thương, hoa đèn là tàn kết lại đầu sợi bấc đèn cháy đỏ như hoa đèn, là dấu hiệu khi dầu hao, bấc hồng. Chứng tỏ người chinh phụ đã thao thức rất nhiều đêm, triền miên, khắc khoải, mong nhớ về chồng. Không gian bên ngoài làm cho nỗi cô đơn của người chinh phụ được khắc họa rõ nét hơn, tiếng gà eo óc cho thấy âm thanh thê lương, khắc khoải. Kết hợp với từ láy phát phơ cho thấy nhịp điệu buồn tẻ, chậm rãi, cho thấy tâm trạng ngao ngán của người chinh phụ. Hai hình ảnh tương hỗ để diễn tả sự thao thức triền miên, khắc khoải của chinh phụ trong cô đơn, lẻ loi. Từ đó người chinh phụ cảm nhận thấm thía nỗi cô đơn hơn bao giờ hết: Khắc giờ đằng đẵng như niên/ Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa, thời gian trôi qua rất nặng nề, vô vị. Cách đo đếm thời gian trong tâm trạng buồn chán cũng được Nguyễn Du nói đến: Sầu đông càng lác càng đầy/ Ba thu dọn lại một ngày dài ghê. Mối sầu trải dài mệnh mông đến không cùng. Dùng biện pháp so sánh để diễn tả cụ thể tâm trạng của chinh phụ để thấy nỗi buồn mệnh mông.

Nỗi cô đơn bủa vây, người chinh phụ gắng gượng, tìm mọi cách để trốn chạy nỗi cô đơn. Nàng đốt hương để tìm lại sự thanh thản trong tâm hồn, nhưng hồn đã mê mải, người chinh phụ càng chìm đắm hơn trong nỗi phiền muộn. Nàng lấy gương soi, để tìm thú vui trong việc chỉnh trang nhan sắc, nhưng khi soi gương lại phải đối mặt với sự cô đơn, lẻ loi, hơn nữa nàng lại nhận ra sự tàn phai của tuổi thanh xuân. Khiến nước mắt ngày càng chan chứa, nỗi đau khổ lại càng ngập đầy hơn, nàng thấm thía nỗi cô đơn, tuổi thanh xuân tàn phai trong cô đơn sâu muộn. Nàng gượng đánh đàn nhưng khi chạm đến nàng lại tự ý thức về tình cảnh của mình, nàng thấy tủi thân trước những biểu tượng đôi lứa, ẩn chứa trong các nhạc cụ : Đàn sắt, đàn cầm: gảy hòa âm với nhau được ví cảnh vợ chồng hòa thuận. Dây uyên: dây đàn uyên ương – biểu tượng cho lứa đôi gắn bó, hòa hợp. Phím đàn loan phượng – biểu tượng của lứa đôi gắn bó. Tất cả các nhạc cụ để có đôi có lứa, chỉ có mình mình cô đơn, lẻ bóng. Thậm chí nỗi cô đơn đã khiến nàng lo lắng, sợ hãi chơi đàn dây sẽ bị đứt, phím đàn bị chùng, đó là những biểu hiện không may mắn của đôi lứa. Nàng tìm đến những nhạc cụ nhưng lại không chạy trốn được nỗi cô đơn. Chinh phụ cố gắng tìm quên bằng cách tìm đến những thú vui nhưng càng tìm quên lại càng đối diện với bi kịch của mình, càng đau khổ hơn bao giờ hết.

Nàng tìm đến thiên nhiên, nhưng thiên nhiên lại cho thấy khoảng cách vời vợi giữa nàng và chồng. Non Yên – nơi chiến trận ngoài biên ải xa xôi, khoảng cách xa vời khôn thấu. Nàng tìm cách để vượt qua khoảng cách, gửi lại tất cả những nhớ nhung cho chồng bằng ngọn gió đông, nhưng đây chỉ là giải pháp tưởng tượng, không thể thực hiện. Nàng lại phải đối mặt với thực tại, thấm thía với bi kịch của mình: cảnh xung quanh hiện hữu trước mắt, sương khuya lạnh lẽo, tiếng trùng rả rích trong đêm. Cảnh tượng thê lương, ảm đạm, đang bủa vây lấy người chinh phụ, nàng sống trong đau đớn, nhớ thương. Đoạn trích đã cho thấy nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tài tình. Tâm lí người chinh phụ được miêu tả ở nhiều cung bậc khác nhau thông qua hành động và ngoại cảnh. Thể thơ song thất lục bát cùng hệ thống từ láy giàu giá trị gợi hình, gợi cảm đã diễn tả thế giới nội tâm phong phú của nhân vật.

Qua trích đoạn, Đặng Trần Côn đã diễn tả thành công những cung bậc, sắc thái khác nhau của người chinh phụ, nỗi cô đơn, buồn thương. Qua đó diễn tả khát khao hạnh phúc lứa đôi, đây là nét mới trong chủ nghĩa nhân đạo của ông. Đồng thời cũng là lời tố cáo mạnh mẽ, đánh thép chiến tranh phong kiến phi nghĩa đã chia lìa hạnh phúc lứa đôi.

Phân tích đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ - Mẫu số 4

Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ là một đoạn trích tiêu biểu trong tác phẩm Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn. Đoạn trích không chỉ thể hiện được tâm trạng của người phụ nữ có chồng đi lính mà còn có nhiều nét đặc sắc về nghệ thuật. Với ngòi bút sâu sắc và khéo léo tác giả đã phản ánh một hiện thực xã hội về chiến tranh, nó không chỉ ảnh hưởng tới người trực tiếp tham gia chiến đấu mà nó còn ảnh hưởng tới người thân của họ mà cụ thể là người vợ.

Trước hết đoạn trích thể hiện nỗi cô đơn tủi phận, nỗi thương nhớ buồn thương mong muốn gửi tới chàng tấm lòng vàng của người phụ nữ. Những hành động, cử chỉ, trạng thái tâm trạng được tăng tiến dần thể hiện nỗi cô đơn buồn tủi chuyên dần thành nỗi bi ai, buồn rầu, tuyệt vọng:

“Đạo hiên vắng thăm gieo từng bước,
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.
Ngoài rèm thước chẳng mách tin,
Trong rèm dường đã có đèn biết chăng?
Đèn có biết, dường bằng chẳng biết,
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.
Buồn rầu nói chẳng nên lời,
Hoa đèn kia với bóng người khá thương!”

Hành động dạo hiên vắng cho thấy người phụ nữ đang cô đơn, quanh quẩn với thêm với chiếc rèm và cây đèn hoa nọ. Nàng không thể làm gì và cũng không thiết làm gì. Nàng dạo từng bước một, như gieo mình buông thả mặc cho bước chân đi tới đâu, cũng không may mắn đến độ dài rộng của chiếc bậc để khỏi bị ngã. Hành động này thể hiện tâm trạng thơ thẩn thờ của nàng khi thiếu vắng chàng. Hết gạo thì lại ngồi, trong lòng nổi băn khoăn, nhớ nhung cứ dằng dặc. Nàng ngồi trong chiếc rèm rồi chờ con thước báo tin chồng nhưng chỉ tuyệt vọng. Nàng tự hỏi đèn thường xuyên thức cùng nàng mong ngóng tin chồng thì liệu đèn có biết được nỗi lòng của nàng. Đèn chỉ là vật vô tri vô giác làm sao có thể hiểu thấu được lòng nàng. Tâm trạng nàng thay đổi từ thẩn thờ đến trông mong, bi thiết và buồn rầu tuyệt vọng.

Nàng chờ đợi trông mong rồi thức cả năm canh dài, một khắc trôi qua dài như một năm, mỗi sầu được thể càng giăng kín trong lòng người thiếu phụ. Nàng ngắm nhìn cảnh vật mà tự thương lấy bản thân mình. Buồn là thế nàng gượng cả đốt hương, vì càng đốt thì nàng hồn nàng càng như mê mết, nàng gượng cả soi gương vì sợ nhìn thấy chính mình lại nước mắt thương thân. Muốn đánh đàn để vui đi nỗi nhớ, để bày tỏ lòng mình với trời đất nhưng lại kinh ngại dây tơ hồng, loan phượng đứt chùng:

“Hương gượng đốt, hồn đà mê mải,
Gương gượng soi, lệ lại chứa chan.
Sắt cầm gượng gảy ngón đàn,
Dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng”

Trước muôn vàn nỗi nhớ người chinh phụ muốn gửi đến chồng mình tấm lòng thủy chung son sắt, gửi cả những nỗi nhớ niềm thương sự lo lắng tới chàng:

“Lòng này gửi gió đông có tiện,
Nghìn vàng xin gửi đến non Yên
Non Yên dù chẳng tới miền,
Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.”

Nàng nhờ gió đông gửi đến chàng cho tiện nhưng liệu chàng có thể nhận được chẳng. Trời cao với chẳng ai khôn thấu, lòng nàng buồn rầu liệu ai hiểu được chẳng. Không chỉ người buồn mà cảnh vật cũng buồn, những hình ảnh thiên nhiên được nhìn qua con mắt của người thiếu phụ buồn rầu vì thương nhớ cũng mang một màu tâm trạng nhớ thương:

“Gà eo óc gáy sương năm trống,
Hoè phát phơ rủ bóng bốn bên.

Khắc giờ đằng đẵng như niên,
Mối sầu đằng dặc tựa miền bể xa.”

Âm thanh của tiếng gà gáy trở nên “eo óc” ảm đạm, Cây hòe tươi đẹp ngày nào nay ủ rũ bốn bên, dưới bầu trời sương dăng dặc như giọt nước mắt thâm lặng của người chinh phụ, hòe hiện lên như khuôn mặt buồn bi thiết. Ở đây tác giả đã sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình, nói thiên nhiên để thể hiện tâm trạng của người chinh phụ.

Như vậy, nhà thơ đã vẽ lên một bức tranh người và cảnh đẹp nhưng buồn. Bức tranh ấy có hình ảnh của những bông hòe ủ rũ bốn bên, mềm mại những yếu ớt, có những hạt mưa phùn rơi trên thềm vắng. Người con gái như đang chuyển động từ dạo bước rồi ngồi rồi lại mong ngóng trông xa. Người thiếu phụ ấy vẫn còn trẻ nhưng lại đang đối mặt với nguy cơ trở thành một người phụ nữ góa chồng. Nàng cô đơn một phần thì thương nhớ lo lắng đến hơn mười phần.

Phân tích bài Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ lớp 10 - Mẫu số 5

Chinh phụ ngâm được tác giả Đặng Trần Côn sáng tác bằng chữ Hán vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVIII, thời kì vô cùng rối ren của xã hội phong kiến. Chiến tranh xảy ra liên miên hết Lê - Mạc đánh nhau đến Trịnh - Nguyễn phân tranh, đất nước chia làm hai nửa. Ngai vàng của nhà Lê mục ruỗng. Nông dân bất bình nổi dậy khởi nghĩa ở khắp nơi. Dân chúng sống trong cảnh loạn li nấu da nấu thịt, cha mẹ xa con, vợ xa chồng. Văn học thời kì này tập trung phản ánh bản chất tàn bạo, phản động của giai cấp thống trị và nỗi đau khổ của những nạn nhân trong chế độ thối nát ấy. Tác phẩm Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn ra đời đã nhận được sự đồng cảm rộng rãi của tầng lớp Nho sĩ. Có nhiều người dịch tác phẩm này sang chữ Nôm, trong đó bản dịch của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm được đánh giá là hoàn hảo hơn cả bởi nó thể hiện gần như trọn vẹn giá trị nội dung và nghệ thuật của nguyên tác.

Nội dung Chinh phụ ngâm phản ánh thái độ oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa, đặc biệt là đề cao quyền sống cùng khát vọng tình yêu và hạnh phúc lứa đôi của con người. Đó là điều ít được nhắc đến trong thơ văn trước đây.

Người chinh phụ vốn dòng dõi trâm anh. Nàng tiễn chồng ra trận với mong muốn chồng mình sẽ lập được công danh và trở về cùng với vinh hoa, phú quý. Nhưng ngay sau buổi tiễn đưa, nàng phải sống trong tình cảnh lẻ loi, ngày đêm xót xa lo lắng cho chồng. Thấm thía nỗi cô đơn, nàng nhận ra tuổi xuân của mình đang trôi qua vùn vụt và cảnh lứa đôi đoàn tụ hạnh phúc ngày càng trở nên xa vời. Vì vậy mà nàng rơi vào tâm trạng cô đơn, sầu khổ triền miên. Khúc ngâm thể hiện rất rõ tâm trạng ấy.

Đoạn trích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ (từ câu 193 đến câu 228) miêu tả những cung bậc và sắc thái khác nhau của tâm trạng cô đơn, buồn khổ ở người chinh phụ trẻ đang khao khát được sống trong tình yêu và hạnh phúc lứa đôi.

Đoạn trích có thể chia làm ba đoạn nhỏ:

Đoạn một (từ câu 1 đến câu 16): Nỗi cô đơn của người chinh phụ trong cảnh lẻ loi; cảm giác về thời gian chờ đợi; cố tìm cách giải khuây nhưng không được.

Đoạn hai (từ câu 17 đến câu 28): Nỗi nhớ thương người chồng ở phương xa; cảnh âm đạm khiến lòng chinh phụ càng thêm sâu thẳm.

Đoạn 3 (từ câu 29 đến hết): Khung cảnh thiên nhiên khiến lòng người chinh phụ rạo rực, khao khát hạnh phúc lứa đôi.

Sau buổi tiễn đưa, người chinh phụ trở về, tưởng tượng ra cảnh chiến trường đầy hiểm nguy, chết chóc mà xót xa, lo lắng cho chồng. Một lần nữa, nàng tự hỏi vì sao đôi lứa uyên ương lại phải chia lìa? Vì sao mình lại rơi vào tình cảnh lẻ loi? Bấy nhiêu câu hỏi đều không có lời đáp. Tâm trạng băn khoăn, day dứt của người chinh phụ được tác giả thể hiện sinh động bằng nghệ thuật miêu tả tâm lí tinh tế. Có thể nói, sâu và nhớ là cảm xúc chủ đạo trong đoạn thơ này.

Trong phần đầu, hành động và tâm trạng của người chinh phụ đã được ngòi bút sắc sảo của tác giả khắc họa rõ nét:

Đạo hiên vắng thăm gieo từng bước
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.
Ngoài rèm thước chẳng mách tin,
Trong rèm dường đã có đèn biết chăng ?
Đèn có biết dường bằng chẳng biết ?
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.
Buồn rầu nói chẳng nên lời,
Hoa đèn kia với bóng người khá thương!

Nàng lặng lẽ "đạo hiên vắng thăm gieo từng bước" trong nỗi cô đơn đang tràn ngập tâm hồn. Nhịp thơ chậm gợi cảm giác như thời gian ngưng đọng. Giữa không gian tịch mịch, tiếng bước chân như gieo vào lòng người âm thanh lẻ loi, cô độc. Nỗi nhớ nhung sâu muện và khắc khoải mong chờ khiến bước chân người chinh phụ trở nên nặng trĩu. Nàng bồn chồn đứng ngồi không yên, hết buông rèm xuống rồi lại cuốn rèm lên, sốt ruột mong một tiếng chim thước báo tin vui mà chẳng thấy.

Nàng khát khao có người đồng cảm và chia sẻ tâm tình. Không gian im ắng, chỉ có ngọn đèn đối diện với nàng. Lúc đầu, nàng tưởng như ngọn đèn biết tâm sự của mình, nhưng rồi lại nghĩ: Đèn có biết đường bằng chẳng biết, bởi nó là vật vô tri vô giác. Nhìn ngọn đèn chong suốt năm canh, dầu đã cạn, bấc đã tàn, nàng chợt liên tưởng đến tình cảnh của mình và trong lòng rung rung nỗi thương thân tủi phận: Hoa đèn kia với bóng người khá thương.

Hình ảnh người chinh phụ thầm gieo từng bước ngoài hiên vắng và suốt năm canh ngồi một mình bên ngọn đèn chong, không biết san sẻ nỗi niềm tâm sự cùng ai đã miêu tả được tâm trạng cô đơn tột độ của người chinh phụ.

Tác giả đặc tả cảm giác cô đơn của người chinh phụ trong tám câu thơ. Đó là cảm giác lúc nào và ở đâu cũng thấy lẻ loi: ban ngày, ban đêm, ngoài hiên vắng, trong phòng lạnh... Nỗi cô đơn tràn ngập không gian và kéo dài vô tận theo thời gian luôn đeo đẳng, ám ảnh nàng.

Cảnh vật xung quanh không thể san sẻ mà ngược lại như cộng hưởng với nỗi sầu miên man của người chinh phụ, khiến nàng càng đớn đau, sầu tủi:

Gà eo óc gáy sương năm trống,
Hòe phát phơ rủ bóng bốn bên.
Khắc giờ đằng đẵng như niên,
Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.

Tiếng gà gáy báo sáng làm tăng thêm vẻ tĩnh mịch, vắng lặng. Những cây hòe phát phơ rủ bóng gợi cảm giác buồn bã, u sầu. Giữa không gian ấy, người chinh phụ cảm thấy mình nhỏ bé, cô độc biết chừng nào!

Ở các khổ thơ tiếp theo, nỗi ai oán hiện rõ trong từng chữ, từng câu, dù tác giả không hề nhắc đến hai chữ chiến tranh:

Hương gượng đốt hồn đà mê mải,
Gương gượng soi lệ lại châu chan.
Sắt cầm gượng gảy ngón đàn,
Dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng.

Người chinh phụ cố gắng tìm mọi cách để vượt ra khỏi vòng vây của cảm giác cô đơn đáng sợ nhưng vẫn không sao thoát nổi. Nàng gắng gượng điểm phấn tô son và dạo đàn cho khuây khoả nhưng càng lún sâu hơn vào sự tuyệt vọng. Chạm đến đâu cũng là chạm vào nỗi đau, chạm vào tình cảnh lẻ loi đơn chiếc. Khi "hương gượng đốt" thì hồn nàng lại chìm đắm vào nỗi thấp thỏm lo âu. Lúc "gương gượng soi" thì nàng lại không cảm được nước mắt bởi vì nhớ gương này mình cùng chồng

đã từng chung bóng, bởi vì phải đối diện với hình ảnh đang tàn phai xuân sắc của mình. Nàng cố gảy khúc đàn loan phượng sum vầy thì lại chạnh lòng vì tình cảnh vợ chồng đang chia ra đôi ngã, đầy những dự cảm chẳng lành : Dây uyên kinh đứt, phim loan ngại chùng. Rốt cuộc, người chinh phụ đành ngẩn ngơ trở về với nỗi cô đơn đang chất ngất trong lòng mình vậy.

Sắt cầm, uyên ương, loan phụng là những hình ảnh ước lệ tượng trưng cho tình yêu nam nữ, tình nghĩa vợ chồng. Nay vợ chồng xa cách, tất cả đều trở nên vô nghĩa. Dường như người chinh phụ không dám đụng tới bất cứ thứ gì vì chúng nhắc nhở tới những ngày đoàn tụ hạnh phúc đã qua và linh cảm đến sự chia lìa đôi lú trong hiện tại. Tâm thế của nàng thật chông chênh, chơi vơi, khiến cho cuộc sống trở nên khổ sở, bất an. Mong chờ chồng trong nỗi sợ hãi và tuyệt vọng, nàng chỉ còn biết gửi nhớ thương theo ngọn gió:

Lòng này gửi gió đông có tiện ?
Nghìn vàng xin gửi đến non Yên.

Sau những day dứt của một trạng thái bế tắc cao độ, người chinh phụ chợt nảy ra một ý nghĩ rất chân thành mà cũng rất nên thơ: nhờ ngọn gió xuân gửi lòng mình tới người chồng ở chiến trường xa, đang đối đầu từng ngày từng giờ với cái chết để mong kiếm chút tước hầu. Chắc chắn, chàng cũng sống trong tâm trạng nhớ nhung mái ấm gia đình cùng với bóng dáng thân yêu của người vợ trẻ:

Non Yên dù chẳng tới miền,
Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.

Không gian xa cách giữa hai đầu nỗi nhớ được tác giả so sánh với hình ảnh vũ trụ vô biên: Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời. Thăm thẳm nỗi nhớ người yêu, thăm thẳm con đường đến chỗ người yêu, thăm thẳm con đường lên trời. Câu thơ hàm súc về mặt ý nghĩa và cô đọng về mặt hình thức. Cách bộc lộ tâm trạng cá nhân trực tiếp như thế này cũng là điều mới mẻ, hiếm thấy trong văn chương nước ta thời trung đại:

Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,
Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.

Hai câu thất ngôn chứa đựng sự tương phản sâu sắc tạo nên cảm giác xót xa, cay đắng. Đất trời thì bao la, bát ngát, không giới hạn, liệu có thấu nỗi đau đớn đang giày vò ghê gớm cõi lòng người chinh phụ hay chăng? Nói như người xưa: trời thì cao, đất thì dày, nỗi niềm uất ức biết kêu ai? Biết ngỏ cùng ai? Bởi vậy nên nó càng kết tụ, càng cuộn xoáy, gây nên nỗi đau đớn khôn nguôi:

Cảnh buồn người thiết tha lòng,
Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.

Giữa con người và cảnh vật dường như có sự tương đồng khiến cho nỗi sầu thương trở nên da diết, bất tận. Cảnh vật xung quanh người chinh phụ đã chuyển thành tâm cảnh bởi được nhìn qua đôi mắt đắm lệ buồn thương. Sự giá lạnh của tâm hồn làm tăng thêm sự giá lạnh của cảnh vật. Cũng giọt sương ấy đọng trên cành cây, cũng tiếng trùng ấy rả rích trong đêm mưa gió, nhưng cảnh ấy tình này lại gợi nên bao sóng gió, bao nỗi đoạn trường trong lòng người chinh phụ. Tình cảnh ấy, tâm trạng ấy tự nó đã nói lên bi kịch của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa kia. Ý thơ đi từ tình đến cảnh rồi lại từ cảnh trở về tình, cứ lặp đi lặp lại như vậy nhằm thể hiện rõ tình cảnh lẻ loi và tâm trạng cô đơn của người chinh phụ. Dù ở đâu, lúc nào, làm gì nàng cũng chỉ làm lũ, vò vò một mình một bóng mà thôi!

Bầu trời bát ngát không cùng và nỗi nhớ cũng không cùng, nhưng suy tưởng thì có hạn; người chinh phụ lại trở về với thực tế cuộc sống nghiệt ngã của mình. Ý thơ chuyển từ tình sang cảnh. Thiên nhiên lạnh lẽo như truyền, như ngấm cái lạnh lẽo đáng sợ vào tận tâm hồn người chinh phụ cô đơn:

Sương như búa, bổ mòn góc liễu,
Tuyết dường cưa, xẻ héo cành ngô.

Hình như người chinh phụ đã thấm thía sức tàn phá ghê gớm của thời gian chờ đợi. Tuy nhiên đến câu: "Sâu tường kêu vắng chuông chùa nện khơi" thì không khí đã dễ chịu hơn, cũng bởi người chinh phụ chỉ mới thất vọng mà chưa tuyệt vọng.

Tám câu cuối là bức tranh tả cảnh ngụ tình đặc sắc nhất trong Chinh phụ ngâm:

Vài tiếng dế nguyệt soi trước ốc,
Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên.
Lá màn lay ngọn gió xuyên,
Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.
Hoa dải nguyệt, nguyệt in một tấm,
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.
Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng,
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đau!

Ý thơ đi từ tình đến cảnh rồi lại từ cảnh trở về tình, cứ dội qua dội lại như vậy nhằm thể hiện rõ tâm trạng ở đâu, lúc nào, làm gì... người chinh phụ cũng chỉ vò vò một mình một bóng mà thôi!

Từ thốc rất mạnh trong câu "một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên" báo hiệu chuyển sang một tâm trạng mới ở người chinh phụ. Cảnh hoa - nguyệt giao hoà khiến lòng người rạo rức, khao khát hạnh phúc lứa đôi. Những động từ dãi, lòng toát lên cái ý lứa đôi quán quýt gần gũi, âu yếm nồng nàn mà vẫn tế nhị, kín đáo.

Tác giả lựa chọn và dùng từ rất kĩ, rất đắt, đặc biệt là các tính từ là từ láy làm nổi bật tính chất của sự vật : eo óc, phát phơ, đằng đẵng, dằng dặc, mê mải, châu chan, thăm thẳm, đau đáu... Về nhạc điệu, tác giả đã khai thác và phát huy một cách tài tình âm hưởng trầm bổng, du dương của thể thơ song thất lục bát để diễn tả cảm xúc giống như những đợt sóng dạt dào trong tâm trạng người chinh phụ, hết nhớ lại thương, hết lo lắng lại trông mong, hết hi vọng lại tuyệt vọng... trong tình cảnh lẻ loi đơn chiếc.

Bằng bút pháp nghệ thuật điêu luyện, tác giả đã diễn tả được những diễn biến phong phú, tinh vi các cung bậc tình cảm của người chinh phụ. Cảnh cũng như tình được miêu tả rất phù hợp với diễn biến của tâm trạng nhân vật. Thông qua tâm trạng đau buồn của người chinh phụ đang sống trong tình, cảnh lẻ loi vì chồng phải tham gia vào những cuộc tranh giành quyền lực của vua chúa, tác giả có chủ ý đề cao hạnh phúc lứa đôi và thể hiện thái độ bất bình, phản kháng đối với chiến tranh phi nghĩa. Tác phẩm Chinh phụ ngâm đã toát lên tư tưởng chủ đạo trong văn chương một thời, đó là tư tưởng đòi quyền sống, quyền được hưởng hạnh phúc rất chính đáng của con người.

Dàn ý phân tích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ

1. Mở bài

Giới thiệu tác phẩm Chinh phụ ngâm và trích đoạn Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ.

2. Thân bài

a. Phân tích nỗi cô đơn, sầu tủi của người chinh phụ

- “Đạo hiên vắng”: Trước hiên nhà, những bước đi chậm rãi, nặng nề.
- “Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen” Hành động buông rèm xuống, kéo rèm lên lặp lại trong vô thức diễn tả nỗi chán chường, tô đậm thêm nỗi cô đơn trong khuê các.
- “Ngoài rèm thước chẳng mách tin”: Trông chờ một tiếng lành từ chim thước từ xa nhưng chẳng có, nàng đành ngâm ngùi bên chiếc đèn khuya.

- “Trong rèm dường đã có đèn biết chãng” Tìm đến đèn để tâm giao cho vơi nỗi ưu sầu, mà đèn nào có biết, nào có thấu được tâm can kẻ cô đơn.
- Người chinh phụ buồn bã trong khuê phòng với ánh đèn dầu hiu hắt mà xót thương cho số phận mình, tủi hổ cho cảnh lẻ loi, đơn chiếc vì chia ly của mình.
- Nỗi bi thiết của lòng nàng cất lên trong từng tiếng thơ ai oán, vừa như trách móc, vừa như xót xa cho thân phận.
- Đèn dần tàn, thời gian vẫn vậy cứ trôi đi, một mình, một bóng, gặm nhấm nỗi cô độc, sầu tủi, nỗi chán chường vì lẻ loi tận cùng “Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi”.
- Lòng người buồn tủi, nỗi sầu thương nhuộm lên cả vị thời gian, màu không gian:
 - Tiếng gà "eo óc" đếm thời gian trong đêm lạnh.
 - Bóng hờn "phát phơ rủ bóng" ngẩn ngơ bốn bề.
 - Thiên nhiên có thanh, có sắc mà chẳng có lấy chút niềm vui dù là nhỏ bé
- Mỗi khắc thời gian trôi qua đều nặng nề, khó khăn tựa như một năm dài.
- Trong nỗi buồn tủi, sầu muộn, cô độc đến cùng cực ấy, người chinh phụ cố vực dậy tinh thần mình bằng việc tìm đến những thú vui đời thường. Nhưng trở trêu thay, mọi thứ dường như đều trở nên gượng gạo, bất lực trước tâm trạng chinh phụ.

b. Phân tích nỗi nhớ thương chồng tha thiết của người chinh phụ.

- Càng cô đơn, tuyệt vọng, nỗi nhớ lại càng dâng trào, mãnh liệt.
- Người chinh phụ nhớ thương chồng tha thiết nhưng đành bất lực vì khoảng cách quá xa xôi.
- "Non Yên" một hình ảnh ẩn dụ cho sự xa xôi, cách trở của người chinh phụ và kẻ chinh phụ.
- Vì nỗi nhớ thương da diết, không biết làm gì hơn, nàng đành gửi nỗi nhớ theo gió đông đến "Non Yên".
- Từ láy "thăm thẳm", "đau đáu" kết hợp với cụm danh từ "đường lên bằng trời" đã đặc tả nỗi nhớ khôn nguôi, mênh mông và cao rộng đến tận cùng trong người chinh phụ.

3. Kết bài

Khẳng định lại vẻ đẹp và giá trị của đoạn trích.